

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18/11/2024
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nghệ

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Hùng và bà Hồ Thị Thúy Hằng

Thư ký phiên toà: Bà Phan Lệ Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Phương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở toà án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 286/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/11/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị U, sinh năm 1983. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1979. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn F, xã S, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị U trình bày:

Chị và anh Lê Văn Đ được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi vào ngày 19/5/2002 âm lịch. Từ năm 2002 vợ chồng chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã. Quá trình chung sống do không hiểu nhau nên xảy ra nhiều mâu thuẫn từ năm 2005. Tuy nhiên mâu thuẫn trở nên trầm trọng vào tháng 02/2020, anh Đ làm ăn thua lỗ nên đã bỏ vợ con đi vào miền N. Anh Đ ít quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay tình cảm của chị với anh Đ không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

Về con chung: Chị U' và anh Đ có 04 con chung là Lê Thị Kiều O, sinh ngày 08/4/2003; Lê Thị Thanh V, sinh ngày 18/11/2004; Lê Trung K, sinh ngày 28/01/2013; Lê Thị Thảo N, sinh ngày 24/11/2014.

Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Lê Trung K và Lê Thị Thảo N. Chị không yêu cầu anh U' cấp dưỡng nuôi con chung. Các con chung Lê Thị Kiều O và Lê Thị Thanh V đã trưởng thành, việc ở với bố hay ở với mẹ do các cháu lựa chọn.

Về tài sản chung: Chị U' không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 25/10/2024, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn Đ trình bày:

Anh thống nhất như lời trình bày của chị U' về thời gian chung sống với nhau. Từ năm 2002 đến nay anh chị không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều lần mâu thuẫn từ năm 2005, nhưng do hai bên gia đình hòa giải nên vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau. Đến tháng 02/2020 do anh làm ăn thua lỗ, kinh tế gia đình sa sút nên vợ chồng mâu thuẫn. Anh đã vào miền N làm ăn từ đó đến nay không còn quan tâm đến vợ con nữa. Nay tình cảm của anh với chị U' không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị U' đề nghị được ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Ly hôn anh Đ đồng ý với nguyện vọng nuôi con của chị U', giao các con chung Lê Trung K, sinh ngày 28/01/2013; Lê Thị Thảo N, sinh ngày 24/11/2014 cho chị U' nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay anh không có chỗ ở và công việc ổn định. Các con chung Lê Thị Kiều O và Lê Thị Thanh V đã trưởng thành, việc ở với bố hay ở với mẹ do các cháu lựa chọn.

Về tài sản: Anh Điều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh có đơn xin xét xử vắng mặt.

Các con chung Lê Thị Thảo N và Lê Trung K đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Kết quả xác minh tại UBND xã S: Anh Lê Văn Đ và chị Trần Thị Ước C sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Tại thời điểm xác minh, anh Đ, chị U' không đăng ký kết hôn với ai khác tại địa phương. Quá trình chung sống Chị U' và anh Đ có 04 con chung là Lê Thị Kiều O, sinh ngày 08/4/2003; Lê Thị Thanh V, sinh ngày 18/11/2004; Lê Trung K, sinh ngày 28/01/2013; Lê Thị Thảo N, sinh ngày 24/11/2014. Nay chị U' yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con thì địa phương đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn có tình vắng mặt gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Căn cứ điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và

gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 238 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về tình cảm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị U. Không công nhận chị Trần Thị U và anh Lê Văn Đ là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị U chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con là: Lê Trung K, sinh ngày 28/01/2013 và cháu Lê Thị Thảo N, sinh ngày 24/11/2014. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con vì chị U không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị U có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Lê Văn Đ, có nguyện vọng được nuôi con, tuy nhiên các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện giữa chị U và anh Đ không có đăng ký kết hôn, đây là vụ án Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn” theo quy định tại khoản 7 Điều 28 BLTTDS 2015.

Anh Lê Văn Đ có nơi thường trú tại thôn F, xã S, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử cho các đương sự. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị U, bị đơn anh Lê Văn Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của đương sự, kết quả xác minh tại UBND xã S xác định thời điểm chị U và anh Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ thời điểm năm 2002 đến thời điểm hiện nay, không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, chỉ làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục truyền thống. Việc chung sống với nhau là tự nguyện. Quá trình chung sống anh Đ, chị U xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế, anh Đ làm ăn thua lỗ nên đã bỏ vợ con đi vào miền N, ít quan tâm đến gia đình, thường xuyên cãi nhau. Chị U đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn vì tình cảm với anh Đ không còn, anh Đ cũng đồng ý. Căn cứ các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố chị Trần Thị U và anh Lê Văn Đ không phải là vợ chồng.

[2.2] Về con chung:

Con chung Lê Thị Kiều O, sinh ngày 08/4/2003; Lê Thị Thanh V, sinh ngày 18/11/2004 đã đủ tuổi trưởng thành không ai yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Các con chung Lê Trung K, sinh ngày 28/01/2013; Lê Thị Thảo N, sinh ngày 24/11/2014 từ khi chị U' và anh Đ sống ly thân các con chung ở với chị U'.

Xét nguyện vọng về nuôi con của chị U' là chính đáng, thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ đối với các con. Việc giao con chưa thành niên cho ai chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cần căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con cũng là quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chưa thành niên. Ly hôn chị U' có nguyện vọng nuôi các con chung Lê Trung K, sinh ngày 28/01/2013; Lê Thị Thảo N, sinh ngày 24/11/2014, anh Đ cũng có nguyện vọng giao hai con chung là Lê Trung K, Lê Thị Thảo N cho chị U' trực tiếp nuôi dưỡng và các con chung cũng có nguyện vọng được ở với chị U' nên HĐXX công nhận sự thỏa thuận về con của chị U' và anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014, giao các con chung Lê Trung K, sinh ngày 28/01/2013; Lê Thị Thảo N, sinh ngày 24/11/2014 cho chị Trần Thị U' trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị U' không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên miễn xét.

[2.4] Về tài sản: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí: Chị U' phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 228; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 51; Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị U'

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị U' và anh Lê Văn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung:

Giao các con chung là Lê Trung K, sinh ngày 28/01/2013; Lê Thị Thảo N, sinh ngày 24/11/2014 cho chị Trần Thị U' trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Lê Văn Đ vì chị Trần Thị U' không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Chị U', anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị U' phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị U' đã nộp theo biên lai thu số 0005828 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quỳnh Lưu.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Trần Thị U' và bị đơn anh Lê Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã Sơn Hải;
- Dương sự;
- Lưu HS,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nghệ

